TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2023
V/v tranh chấp "hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HN ngày 04/11/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1994, nơi cư trú: 028/115A, ấp Đông A, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Chen Po Y, sinh năm 1984, nơi cư trú: số 51/29, đoạn 2, lộ Kim H, khóm 001, phường Kim H, khu N, thành phố Đại Nam, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Thùy trình bày:

Năm 2019 bà Trương Thị Thu T và ông Chen Po Y quen biết nhau do bà T xuất khẩu lao động Đài Loan sau đó bà T và ông Chen Po Y tìm hiểu đi đến đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 18-11-2019. Sau khi kết hôn ông Chen Po Y trở về Đài Loan bà T ở lại Việt Nam để xin Visa nhập cảnh sang Đài Loan, nhưng do

tình hình dịch covid diễn biến phứt tạp khiến trì trệ giấy tờ nhiều lần và do xa cách lâu ngày tình cảm không còn. Nay bà T làm đơn khởi kiện ly hôn với ông Chen Po Y.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Chen Po Y đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Kết quả ủy thác của Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác nêu trên vào ngày 04-11-2022 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng đương sự, nhưng quá hạn ông Chen Po Y không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gửi về cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai.

Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Chen Po Y, sinh năm 1984 có nơi cư trú tại Đài Loan, nguyên đơn có nơi cư trú tại 028/115A, ấp Đông A, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc, xét xử của Tòa án nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân của bà Trương Thị Thu T và ông Chen Po Y tự nguyện có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 18-11-2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày: Quá trình chung sống, sau khi kết hôn ông Chen Po Y trở về Đài Loan bà T ở lại Việt Nam để xin Visa nhập

cảnh sang Đài Loan, nhưng do tình hình dịch covid diễn biến phứt tạp khiến trì trệ giấy tờ nhiều lần và do xa cách lâu ngày tình cảm không còn bà T yêu cầu ly hôn. Về phía bị đơn ông Chen Po Y không gửi ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà T cho Tòa án và cũng không đến Tòa án theo lịch làm việc. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung đã không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 18-11-2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về con chung; Không có

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ưng án phí đã nộp.

Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, khấu trừ tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T.

1. Bà Trương Thị Thu T được ly hôn với ông Chen Po Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 18-11-2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trương Thị Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000155 ngày 29-6-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Trương Thị Thu T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp:

Bà Trương Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0000997 ngày 04-7-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà T đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Bà Trương Thị Thu T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông Chen Po Y là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- Ủy ban nhân dân huyện T;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Tòa Gia đình và NCTN;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Tố Giang